

- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 8,9%.
- Ngành sản xuất và phân phối điện, nước đã ước tăng 15,3%.
- Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn tỉnh năm 2019 ước tăng **10,5%** so với cùng kỳ năm 2018, đạt chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao. trong đó:
 - Ngành công nghiệp khai khoáng ước tăng 8%;
 - Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 10,2%;
 - Ngành sản xuất và phân phối điện, nước đã ước tăng 15%
 - Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%.
- Giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2019 (theo giá so sánh 2010) đạt 16330 tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ, đạt 46,65% kế hoạch năm.
- Giá trị sản xuất công nghiệp 2019 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 34.800 tỷ đồng, tăng 10,65% so với cùng kỳ, đạt chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao.

1.2. Về các sản phẩm chủ lực

- Sản xuất Bia: Tình hình sản xuất và tiêu thụ bia trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt tốc độ tăng trưởng ổn định. Sản lượng bia đạt 110 triệu lít, tăng 5,59% so với cùng kỳ. Dự kiến sản lượng bia năm 2019 ước đạt 232 triệu lít, tăng 2,65% so với cùng kỳ (*vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2019 là 230 triệu lít*).
- Dệt may: 6 tháng đầu năm duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định (sợi các loại tăng 7,76%; quần áo lót tăng 3,55%; áo quần may sẵn tăng 24,26% so với cùng kỳ) nhờ thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định và phát huy năng lực tăng thêm của các nhà máy mới, các dự án mở rộng, nâng công suất của các doanh nghiệp ngành dệt may. Sản lượng dự kiến năm 2019: Quần áo lót 370 triệu SP, tăng 10,78% (*vượt chỉ tiêu kế hoạch là 350 triệu SP*); Quần áo may sẵn 64 triệu SP, tăng 29,29% (*vượt chỉ tiêu kế hoạch là 63,4 triệu SP*); Sợi các loại 92.000 tấn, tăng 6,67% (*đạt thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch là 95.000 tấn, do hình hình tiêu thụ một số doanh nghiệp gặp khó khăn và tốc độ tăng trưởng chưa đạt chỉ tiêu sản xuất theo kế hoạch của doanh nghiệp*).
- Sản xuất xi măng: Trong 6 tháng đầu năm 2019, sản lượng xi măng tiếp tục gặp khó khăn và bị giảm sâu (sản lượng 1.216 nghìn tấn, giảm 7,54%). Sản lượng xi măng năm 2019 ước đạt 2,3 triệu tấn, giảm 4,83% so với cùng kỳ (*đạt thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 3 triệu tấn*).
- 6 tháng đầu năm đạt tốc độ tăng trưởng cao (tăng 57,05% so với cùng kỳ) nhờ các nhà máy sản xuất men frit trên địa bàn hoạt động sản xuất và tiêu thụ ổn định; đồng thời phát huy năng lực tăng thêm các dự án nâng công suất nhà máy, dự án nhà máy sản xuất men frit mới đưa vào hoạt động. Dự kiến sản

lượng men frit trong năm 2019 ước đạt 220.000 tấn, tăng 18,35% so với cùng kỳ (*vượt chỉ tiêu kế hoạch là 210.000 tấn*)

- Chế biến thủy hải sản: Trong 6 tháng đầu năm 2019, chế biến thủy hải sản gặp khó khăn và bị giảm (sản lượng tôm đông lạnh ước đạt 2.080 tấn, giảm so với cùng kỳ), nguyên nhân do nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất thiếu ổn định không đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu cho các nhà máy trên địa bàn tỉnh. Sản lượng tôm đông lạnh năm 2019 ước đạt 6.500 tấn, giảm 3,98% so với cùng kỳ (*đạt thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch là 7.500*).

2. Thương mại

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng xã hội 6 tháng đầu năm đạt 20.850 tỷ đồng tăng 11,3% so cùng kỳ năm trước và đạt 48,5% so với kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng đạt 16.167 tỷ đồng, chiếm 77,5% tổng số, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2019 ước đạt 43.000 tỷ đồng, tăng 12,5% so cùng kỳ năm trước; đạt 100% so với kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 33.500 tỷ đồng, chiếm 77,9% tổng số, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

3. Xuất nhập khẩu

3.1. Xuất khẩu

- Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm đạt 496,6 triệu USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ 2018, đạt 47% kế hoạch năm.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2019 phấn đấu đạt 1.055 triệu USD đạt 100% kế hoạch năm, tăng 22% so cùng kỳ năm trước.

3.2. Nhập khẩu

- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 288,5 triệu USD, giảm 5,5% so với thực hiện cùng kỳ 2018, ước đạt 43,7% kế hoạch năm.

- Kim ngạch nhập khẩu năm 2019 ước đạt 660 triệu USD, tăng 16 % so cùng kỳ năm trước; đạt 100% kế hoạch năm.

III. Tồn tại, hạn chế

1. Về phát triển công nghiệp

- Một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn gặp khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: xi măng, chế biến thủy hải sản,....

- Tình hình triển khai các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn chậm so với tiến độ cấp phép; Các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu ngoài ràng rào để đấu nối với các khu công nghiệp chưa được đầu tư đảm bảo do điều kiện nguồn lực của tỉnh còn hạn chế. Một số khu công nghiệp chưa có nhà máy xử lý nước thải theo quy định,... đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, cũng như công tác xúc tiến thu hút các nhà đầu tư.

- Tình hình phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn chậm do nguồn ngân sách đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp còn hạn chế; Công tác quản lý nhà nước và quản lý hoạt động tại các cụm công nghiệp còn nhiều bất cập do đa số các địa phương (trừ thành phố Huế) chưa có bộ máy chuyên trách về quản lý hoạt động của cụm công nghiệp.

- Giá trị gia tăng sản phẩm của một số sản phẩm công nghiệp chưa cải thiện được nhiều, tốc độ phát triển đối với thiết bị công nghệ còn chậm, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu là chủ yếu (dệt may,..). Các doanh nghiệp vẫn chưa chủ động nhiều trong sản xuất khi kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng phục vụ sản xuất gia công ở mức lớn, đầu tư còn dàn trải, chưa tập trung để thúc đẩy các ngành công nghiệp mũi nhọn.

2. Về kinh doanh thương mại

Hệ thống phân phối hàng hóa trên địa bàn còn nhỏ lẻ, manh mún nên việc xây dựng chuỗi phân phối hàng hóa theo hướng văn minh hiện đại còn chậm.

Hệ thống hạ tầng thương mại, đặc biệt là mạng lưới chợ nông thôn tuy đã được quan tâm nhưng còn nhiều bất cập: đa phần chợ đã quá tải, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, việc bố trí kinh phí đầu tư cải tạo, nâng cấp xây dựng chợ còn khiêm tốn; hệ thống siêu thị đã được hình thành nhưng còn ít, chỉ tập trung ở khu vực thành thị.

Công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ chưa đạt kết quả mong muốn do nhiều chợ có quy mô nhỏ, nguồn thu tại chợ thấp, cơ sở vật chất đang giai đoạn xuống cấp, chính quyền địa phương ký hợp đồng và thu trước tiền thuê điểm kinh doanh của tiểu thương với thời gian dài; mặt khác chính sách ưu đãi trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý chợ chưa thực sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư...

Việc ứng dụng và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh vẫn chưa được các doanh nghiệp trên địa bàn thực sự quan tâm, do đa số các doanh nghiệp trên địa bàn có quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

PHẦN THỨ HAI

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của ngành năm 2020

I. Chỉ tiêu của ngành năm 2020

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn tỉnh năm 2020 phấn đấu tăng 10% so với ước thực hiện năm 2019.

- Kế hoạch sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu như: Xi măng 2.700 nghìn tấn, tăng 17,39% so với cùng kỳ; bia 240 triệu lít, tăng 3,45%; sợi các loại 100.000 tấn, tăng 8,7%; Quần áo lót 380 triệu cái, tăng 2,7%; men Frit 240.000 tấn, tăng 9,09%; tôm đông lạnh 7.000 tấn, tăng 7,69%,...

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) năm 2020 phấn đấu đạt 38.300 tỷ đồng, tăng 10,06% so với ước thực hiện năm 2019.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2020 phấn đấu đạt 48.000 tỷ đồng, tăng 11,63% so với ước thực hiện 2019. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 36.860 tỷ đồng, chiếm 76,8% tổng số, tăng 10% so với ước thực hiện 2019 .

- Kim ngạch xuất khẩu phấn đấu đạt 1.250 triệu USD, tăng 18,48% so với ước thực hiện 2019.

- Kim ngạch nhập khẩu phấn đấu đạt 800 triệu USD; tăng 21% so với ước thực hiện 2019.

II. Nhiệm vụ chủ yếu

1. Về Công nghiệp

- Triển khai thực hiện các nội dung tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh phù hợp với tình hình phát triển thực tế của địa phương, trên cơ sở kế hoạch tái cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025 theo Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 96-KH/TU ngày 23/01/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 23/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát triển công nghiệp nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025; Đồng thời tiếp tục triển khai có trọng tâm, trọng điểm các quy hoạch, kế hoạch: Quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Công nghiệp đến năm 2020 và Chương trình phát triển Công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2017 đến năm 2025,... để tạo động lực và bước đột phá cho ngành công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án mới đưa vào sản xuất hoạt động ổn định và phát huy tối đa công suất, cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án đang khai đầu tư sớm đi vào hoạt động góp phần tăng năng lực sản xuất công nghiệp trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

- Tăng cường xúc tiến, vận động đầu tư vào các KCN, cụm CN. Khuyến khích đầu tư các dự án sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất ngành công nghiệp dệt may, sản xuất bia, chế biến cát, sản phẩm silicat chất lượng cao. Tiếp tục kêu gọi đầu tư các nhà máy dệt may về các vùng nông thôn.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh để thúc đẩy sản xuất kinh doanh; hỗ trợ tạo điều kiện cho ngành công nghiệp chủ lực: bia, xi măng, dệt may... phát triển mạnh, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao, có lợi thế về thị trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất TTCN theo hướng CNH-HĐH, , tạo điều kiện di dời các cơ sở sản xuất xen lẫn trong khu dân cư vào các cụm, điểm công nghiệp, làng nghề tập trung nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường cho các doanh nghiệp/cơ sở sản xuất-kinh doanh.

2. Về thương mại

2.1. Về xuất nhập khẩu

- Tăng cường phổ biến thông tin về các cam kết đối với CPTPP, EVFTA... bảo đảm kịp thời, dễ tiếp cận, dễ hiểu. Đẩy mạnh công tác thu thập, phân tích, dự báo tình hình thị trường hàng hóa trong nước và thế giới; thông tin tuyên truyền và hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng những cam kết ưu đãi.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để tăng cường quảng bá sản phẩm, giảm chi phí trong giao dịch, hạ giá thành sản phẩm tăng năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến thương mại; thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, sản phẩm; mở rộng các kênh bán hàng và phân phối...

2.2. Về thương mại nội địa

Tiếp tục xây dựng, triển khai thực hiện các quy hoạch, đề án, kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với các địa phương triển khai Kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý chợ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2019-2020.

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác xây dựng Chợ văn minh thương mại, Chợ an toàn thực phẩm.

- Phối hợp theo dõi sát diễn biến cung cầu hàng hóa, giá cả thị trường; chủ động và linh hoạt có các biện pháp điều tiết cung cầu và bình ổn thị trường nhằm. Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch dự trữ hàng hóa phục vụ phòng chống lụt bão năm 2020.

- Thực hiện tốt Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trên đây là báo cáo dự ước kết quả thực hiện nhiệm vụ ngành Công Thương năm 2019 và kế hoạch năm 2020./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương(Vụ KH, Cục CTĐP);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTCTH.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC